TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2026
V/v tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Hùng

2. Bà Huỳnh Ngọc Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mùi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - An Giang *tham gia phiên toà:* Trường hợp không tham gia

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1999. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ G, Khóm M, phường C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 2002. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A N, khu phố N, phường R, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 12/01/2026 và trong quá trình giải quyết vụ nguyên đơn Nguyễn Anh T trình bày:

Vào năm 2022 anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện quen biết yêu thương nhau và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên anh và chị H tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường V, tỉnh Kiên Giang (cũ) vào ngày 28/4/2022. Trong quá trình chung sống

anh và chị H có 01 người con chung tên Nguyễn Anh T1, sinh ngày 26/3/2022, hiện cháu T1 đang sống cùng chị H. Về tài sản chung và nợ chung thì không có.

Anh T xác nhận vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng thời gian sau vợ chồng thường xuyên bất hòa, đỉnh điểm là chị H nghe theo lời bên nhà vợ nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, anh H đã nói muốn lý hôn và chị H đồng ý nhưng chị H cố tình không giao giấy chứng nhận kết hôn cho anh T để nộp lên Tòa án, cố tình gây khó dễ và không cho anh T gặp con, vợ chồng đã ly thân từ ngày 23/11/2023 cho đến nay, thời gian ly thân chị H đang quen người đàn ông khác.

Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn cùng chị H.

Về việc nuôi con chung: Anh T đồng ý giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi trưởng thành, anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Theo bản tự khai ngày 09/4/2025, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị H và anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân phường V, tỉnh Kiên Giang (cũ) vào ngày 28/4/2022. Chị H xác định không còn tình cảm với anh T, mặc dù hai bên đã cố khắc phục nhưng không thành, hai vợ chồng thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung, cũng không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng, chị H và anh T ly thân khoảng 03 năm nay.

Nay thấy không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh T. Về con chung: chị và anh T có 01 người con chung tên Nguyễn Anh T1, sinh ngày 26/3/2022, chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu T1 đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh T và chị H vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn anh T yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, con chung với chị H. Xét thấy đây là tranh chấp về ly hôn, giải quyết việc nuôi con, bị đơn chị H có nơi cư trú tại tổ A N, khu phố N, phường R, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải đối thoại tại Toà án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh T và chị H nhưng anh T và chị H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H chung sống với nhau vào năm 2022 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, tỉnh Kiên Giang (cũ) vào ngày 28/4/2022, do đó hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Thời gian chung sống với nhau, giữa anh T và chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn với nhau, anh T và chị H cũng thừa nhận giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không hòa hợp không hàn gắn được nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2023 cho đến nay, anh T và chị H không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, chị H cũng thống nhất ly hôn cùng anh T. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T được ly hôn với chị H.

[5] Về việc nuôi con chung:

Quá trình chung sống với nhau, anh T và chị H có 01 (một) người con chung tên Nguyễn Anh T1, sinh ngày 26/3/2022. Hiện tại cháu T1 do chị H chăm sóc và nuôi dưỡng, anh T đồng ý giao cháu T1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu T1 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, chị H có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu T1 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, yêu cầu trên của chị H cũng phù hợp với yêu cầu của anh T, nên Tòa án chấp nhận giao cháu T1 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu T1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và cũng phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị H đều xác nhận không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn anh T yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,

miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh T phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35, 39 và Điều 40; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải đối thoại tại Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Anh T ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 26/3/2022 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Anh T được quyền trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Anh T và chị Nguyễn Thị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Anh T phải nộp 300.000 đồng nhưng anh T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 303521 ngày 23-3-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, anh T không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phan Thị Q

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 – An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND phường Vĩnh Quang, TP Rạch

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Giá, tỉnh Kiên Giang (Nay là UBND phường Rạch Giá, tỉnh An Giang);

- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Quyên